Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3307.90.10

Mã HS	3307.90.10
Mô tả hàng hóa	Các chế phẩm dùng trước, trong hoặc sau khi cạo, các chất khử mùi cơ thể, các chế phẩm dùng để tắm, chế phẩm làm rụng lông và các chế phẩm nước hoa, mỹ phẩm hoặc vệ sinh khác, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; các chất khử mùi phòng đã được pha chế, có hoặc không có mùi thơm hoặc có đặc tính khử trùng / - Loại khác: / - - Chế phẩm vệ sinh động vật
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	10/11/2026 01:09:23
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/33079010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4991
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4991
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4991
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VCFTA	26	26%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4886
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4847
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4847
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4847
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4847
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4847
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4847
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	3	AJ!E4891
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4891
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4891
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4891

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4891
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4891
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4889
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4889
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4889
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4889
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4889
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4889
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4889
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4853
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F4849
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G4849
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H4849
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I4849
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J4849
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K4849
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4858
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4858
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4858
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4858
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4858
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4858
VCFTA	2022	2022	32	VC!D4896
VCFTA	2023	2023	32	VC!E4896
VCFTA	2024	2024	26	VC!F4896
VCFTA	2025	2025	26	VC!G4896

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	26	VC!H4896
VCFTA	2027	2027	26	VC!I4896
VN-EAEU	2022	2022	5,5	EAV!D4893
VN-EAEU	2023	2023	3,6	EAV!E4893
VN-EAEU	2024	2024	1,8	EAV!F4893
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4893
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4893
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4893
AHKFTA	2022	2022	20	AKH!D4901
AHKFTA	2023	2023	20	AKH!E4901
AHKFTA	2024	2024	20	AKH!F4901
AHKFTA	2025	2025	20	AKH!G4901
AHKFTA	2026	2026	20	AKH!H4901
AHKFTA	2027	2027	20	AKH!I4901
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D4872
EVFTA	2023	2023	10	EV-NK!E4872
EVFTA	2024	2024	7,5	EV-NK!F4872
EVFTA	2025	2025	5	EV-NK!G4872
EVFTA	2026	2026	2,5	EV-NK!H4872
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4872
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D4874
UKVFTA	2023	2023	10	UKV!E4874
UKVFTA	2024	2024	7,5	UKV!F4874
UKVFTA	2025	2025	5	UKV!G4874
UKVFTA	2026	2026	2,5	UKV!H4874
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4874

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4872
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4872
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4872
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4872
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4872
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4872
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4872
RCEP A	2022	2022	18	RCEPT-A!D4893
RCEP A	2023	2023	16	RCEPT-A!E4893
RCEP A	2024	2024	14	RCEPT-A!F4893
RCEP A	2025	2025	12	RCEPT-A!G4893
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H4893
RCEP A	2027	2027	8	RCEPT-A!I4893
RCEP B	2022	2022	18	B!D4893
RCEP B	2023	2023	16	B!E4893
RCEP B	2024	2024	14	B!F4893
RCEP B	2025	2025	12	B!G4893
RCEP B	2026	2026	10	B!H4893
RCEP B	2027	2027	8	B!I4893
RCEP C	2022	2022	18	C!D4893
RCEP C	2023	2023	16	C!E4893
RCEP C	2024	2024	14	C!F4893
RCEP C	2025	2025	12	C!G4893
RCEP C	2026	2026	10	C!H4893
RCEP C	2027	2027	8	C!I4893
RCEP D	2022	2022	18,2	D!D4893

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	16,4	D!E4893
RCEP D	2024	2024	14,5	D!F4893
RCEP D	2025	2025	12,7	D!G4893
RCEP D	2026	2026	10,9	D!H4893
RCEP D	2027	2027	9,1	D!I4893
RCEP E	2022	2022	18	E!D4896
RCEP E	2023	2023	16	E!E4896
RCEP E	2024	2024	14	E!F4896
RCEP E	2025	2025	12	E!G4896
RCEP E	2026	2026	10	E!H4896
RCEP E	2027	2027	8	E!I4896
RCEP F	2022	2022	18	F!D4893
RCEP F	2023	2023	16	F!E4893
RCEP F	2024	2024	14	F!F4893
RCEP F	2025	2025	12	F!G4893
RCEP F	2026	2026	10	F!H4893
RCEP F	2027	2027	8	F!I4893
VIFTA	2024	2024	20	VI!F4509
VIFTA	2025	2025	20	VI!G4509
VIFTA	2026	2026	20	VI!H4509
VIFTA	2027	2027	20	VI!I4509

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 20%, VIFTA 20%, VCFTA 26%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (20%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 20%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3307.90 có 5 dòng thuế; dòng 3307.90.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Chế phẩm vệ sinh động vật.	3307.90.30 Khăn và giấy, đã được thấm hoặc phủ nước hoa hoặc mỹ phẩm; 3307.90.40 Nước hoa hoặc mỹ phẩm khác, kể cả chế phẩm làm rụng lông; 3307.90.50 Dung dịch dùng cho kính áp tròng hoặc mắt nhân tạo (SEN); 3307.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3307.90.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 3307.90.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4991), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.